

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 31-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán: Ông Đoàn Hằng Hải, bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Anh – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 14/6/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2024/HNGĐ-ST, ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2024/QĐ-PT, ngày 20/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐ-PT ngày 19/7/2024

giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Tần Thị N, sinh năm: 2002 (có mặt).

Địa chỉ: bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu;

2. Bị đơn: anh Phàn A G, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn I, xã Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Nơi ở: bản Đo Nội, xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phàn A T, Luật Sư thuộc Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Phàn A G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Tân Thị N1 trình bày: Chị và anh Phan A G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu vào ngày 27/7/2023. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thay đổi được, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan A G.

Về con chung: Chị và anh Phan A G có một con chung là cháu Phan Tuấn A - sinh ngày 04/7/2022, chị có nguyện vọng được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, về nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan A G trình bày:

Anh và chị Tân Thị N chung sống với nhau từ năm 2021 đến năm 2023 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Tân Thị N.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Phan Tuấn A – sinh ngày 04/7/2022. Nguyện vọng của anh là con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên anh giao quyền nuôi dưỡng cho mẹ, sau này khi cháu đủ 36 tháng tuổi anh sẽ làm đề nghị thay đổi quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 13/2024/HNGĐ-ST, ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tân Thị N. Về quan hệ hôn nhân chị Tân Thị N được ly hôn với anh Phan A G.

Về con chung: Giao cháu Phan Tuấn A – sinh ngày 04/7/2022 cho chị Tân Thị N chăm sóc, giáo dục. Anh Phan A G có quyền và nghĩa vụ thăm nom

con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N, anh G không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét. Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/5/2024, anh Phan A G kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST, ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ để xét xử lại theo quy định của pháp luật. Lý do của việc kháng cáo anh G cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi chưa tổng đạt các văn bản tố tụng, anh G không được hòa giải, công khai chứng cứ và nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh không đồng ý cho việc chị N nuôi con; về tài sản chung Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét công sức của anh trong khối tài sản anh tạo lập và sống chung với gia đình nhà vợ từ trước đến khi ly hôn. Ngày 11/6/2026 anh bổ sung kháng cáo đề nghị hủy quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 167/QĐ-SCBSBA ngày 15/5/2024 của TAND huyện Sìn Hồ vì vi phạm điều 268 bộ luật TTDS. Ngày 15/7/2024 tiếp tục bổ sung kháng cáo yêu cầu TAND cấp phúc thẩm xem xét lại thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp Tòa án sơ thẩm đã vi phạm Thẩm quyền xét xử theo quy định Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự vì hộ khẩu thường trú của anh G ở Thôn I, H, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo (bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn bị đơn trình bày quan điểm giải quyết vụ án xin giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo ngày 15/5/2024 và các nội dung bổ sung đơn kháng cáo ngày 11/6/2024, ngày 15/7/2024, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST ngày 08/5/2024 của TAND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu để xử lại theo quy định của pháp luật và hủy Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 167/QĐ-SCBSBA ngày 15/5/2024 của TAND huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu để xét xử lại từ đầu. Anh Phan A G đồng ý để Luật sư Phan A T tham gia xét xử vụ án vào ngày 31/7/2024 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Phan A G tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu luận cứ bảo vệ: giữ nguyên toàn bộ các nội dung kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo ngày 15/5/2024 và các nội dung bổ sung đơn kháng cáo ngày 11/6/2024, ngày 15/7/2024 và của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST ngày 08/5/2024 của TAND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

để xử lại theo quy định của pháp luật và hủy Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 167/QĐ-SCBSBA ngày 15/5/2024 của TAND huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu để xét xử lại từ đầu.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phan A G đúng quy định về hình thức, trong thời hạn luật định nên hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 148, Điều 271, Điều 273, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban T1, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Phan A G, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2024/HNGĐ-ST ngày 08/5/2024 của TAND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Về án phí: Anh Phan A G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa:

[1]. Về tố tụng:

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Phan A G được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn Thị N và anh Phan A G kết hôn ngày 27/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc là hợp pháp. Sau kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nên không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đã giải quyết cho chị N được ly hôn anh G là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị Tần Thị N và anh Phàn A G có 01 con chung là cháu Phàn Tuấn A, sinh ngày 04/07/2022. Hiện nay cháu A còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, là độ tuổi rất cần sự chăm nom, nuôi dưỡng của người mẹ, quá trình nuôi dưỡng chị N và gia đình cũng đã tạo điều kiện tốt để cho cháu phát triển bình thường và khỏe mạnh. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị Tần Thị N chăm sóc, giáo dục là có căn cứ; chị N, anh G không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét là có căn cứ.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không cấp sơ thẩm đề cập giải quyết là có căn cứ.

[3]. Xét đơn kháng cáo của anh Phàn A G, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Về nội dung kháng cáo Anh Phàn A G cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi chưa được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, không được hòa giải, công khai chứng cứ và nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử xét thấy:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: trong đơn đề nghị ngày 03/4/2024 gửi Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu anh Phàn A G có cung cấp địa chỉ hiện nay tại bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Tần Thị N theo nơi ở hiện nay của hai vợ chồng tại bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu (BL31), ngày 03/4/2024 chị Tần Thị N cũng có đơn đề nghị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Tần Thị N theo nơi ở hiện nay của hai vợ chồng tại bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu (BL30) ; Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu ngày 08/4/2024 có xác nhận của ông Quảng Văn H, Phó trưởng Công an xã N, huyện S có nội dung ông H cho biết “ Anh Phàn A G là con rể của ông Tần A L, anh G sinh sống cùng gia đình nhà vợ tại bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, anh G ở cùng nhà với vợ từ khoảng đầu năm 2022 cho đến nay”, Ông Tần A L (bố vợ Phàn A G) cho biết “ Phàn A G là con rể lấy con gái tôi là Tần Thị N1, Phàn A G và con gái tôi đang sinh sống tại nhà tôi ở bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu” (BL39).

Tại biên bản giao nhận ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, thể hiện anh G đã được Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ tổng đạt văn bản tố tụng về việc Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (BL34); Tại các bút lục 50, 50a, 51, 52 thể hiện việc Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập và có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N và Công an xã N. Ngày 22/4/2024 anh Phàn A G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ (BL 54), nội dung đơn anh viết đã nhận được giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do anh đang bận công tác xa nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí ly hôn với chị Tần Thị N1. Về con chung vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Phàn Tuấn A- sinh ngày 04/7/2022 hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi nên anh đề nghị Tòa án giao quyền nuôi con cho vợ anh, sau này khi

cháu đủ 36 tháng tuổi anh sẽ đề nghị thay đổi quyền nuôi con. Về cấp dưỡng, anh không đề nghị cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, vay chung vợ chồng anh không có nên không đề nghị giải quyết. Ngoài ra anh không có ý kiến nào khác.

Xét thấy việc tổng đạt các văn bản tố tụng của cấp sơ thẩm đã cơ bản đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên còn có một số sai sót, sơ xuất nhỏ nhưng trong hồ sơ vụ án đã thể hiện bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của tòa án cấp sơ thẩm, quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự đều đã đảm bảo, việc sơ xuất trong tổng đạt các văn bản tố tụng không làm thay đổi bản chất giải quyết vụ án, tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm sâu sắc về việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tại đơn vị.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Phàn A G kháng cáo thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự là không có căn cứ.

[3.2]. Xét nội dung kháng cáo anh Phàn A G không đồng ý cho chị Tần Thị N1 nuôi con chung.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con” cháu A còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, là độ tuổi rất cần sự chăm nom, nuôi dưỡng của người mẹ, quá trình nuôi dưỡng chị N và gia đình cũng đã tạo điều kiện tốt để cho cháu phát triển bình thường và khỏe mạnh. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/4/2024 của anh Phàn A G có đề nghị Tòa án giao quyền nuôi con chung cho chị Tần Thị N vì cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi, sau này khi nào cháu A đủ 36 tháng tuổi anh sẽ đề nghị thay đổi quyền nuôi con. Tại giai đoạn phúc thẩm anh Phàn A G và Luật sư của anh G không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh về việc chị Tần Thị N không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phàn Tuấn A hoặc các thỏa thuận của anh chị phù hợp với lợi ích của cháu Phàn Tuấn A.

Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Phàn A G không có cơ sở theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Bản án sơ thẩm giao cháu Phàn Tuấn A cho chị Tần Thị N nuôi dưỡng là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của Phàn A G không có cơ sở chấp nhận.

[3.3]. Xét nội dung kháng cáo về tài sản chung : anh G kháng cáo bản án sơ thẩm không xem xét công sức của anh trong khối tài sản tạo lập khi chung sống cùng gia đình nhà vợ từ trước đến khi ly hôn.

Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2024 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22/4/2024 anh G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản

chung của vợ chồng. Tại cấp phúc thẩm, anh G và phía Luật sư của anh G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện mình là chủ sở hữu tài sản riêng trong khối tài sản chung của gia đình nhà vợ. Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Chị N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết là có căn cứ.

[3.4] Xét nội dung đơn kháng cáo bổ sung ngày 11/6/2024 của anh Phan A G, kháng cáo đề nghị hủy Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 167/QĐ-SCBSBA, ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Trong phần Quyết định sửa đổi, bổ sung bản án có ghi: Tại dòng thứ 6 từ dưới lên, trang 02 của bản án đã ghi: “khoản 2 Điều 227 BLTTDS” nay sửa chữa và bổ sung “khoản 1 Điều 227 BLTTDS”; tại dòng thứ 13 từ dưới lên, trang 03 của bản án ghi “điểm b khoản 2 Điều 227” nay sửa chữa, bổ sung “khoản 1 Điều 227” và dòng thứ 10, 11 từ trên xuống, trang 04 ghi “điểm đ Điều 12” nay sửa chữa, bổ sung “điểm đ khoản 2 Điều 12” xét thấy: Nội dung kháng cáo bổ sung này bổ sung khi đã hết thời hạn kháng cáo và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 284/BLTTDS, bên cạnh đó Tòa án cấp sơ thẩm đã phát hiện ra lỗi chính tả nêu trên và đã kịp thời ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm khi bản án chưa có hiệu lực pháp luật và lỗi trên không làm thay đổi bản chất giải quyết vụ án nên không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm về việc rà soát, đính chính sửa chữa bản án số 13/2024/HNGĐ-ST, ngày 08/5/2024 tại đơn vị.

[3.5] Xét nội dung đơn kháng cáo bổ sung ngày 15/7/2024 của anh Phan A G, kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thẩm quyền xét theo quy định tại Điều 39/BLTTDS của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu vì anh G cư trú tại: Thôn I, xã H, huyện T, tỉnh Điện Biên và không đăng ký tạm trú tại bản Đo Nội, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, theo quy định thì thẩm quyền xét xử thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Xét thấy: Nội dung kháng cáo bổ sung này bổ sung khi đã hết thời hạn kháng cáo và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 284/BLTTDS; Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đơn đề nghị ngày 03/4/2024 gửi Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu anh Phan A G có cung cấp địa chỉ nơi ở hiện nay tại bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Tân Thị N theo nơi ở hiện nay của hai vợ chồng tại bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu (BL31), ngày 03/4/2024 chị Tân Thị N cũng có đơn đề nghị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Tân Thị N theo nơi ở hiện nay của hai vợ chồng tại bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu (BL30); Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu ngày 08/4/2024 có xác nhận của ông Quảng Văn H, Phó trưởng Công an xã N, huyện S có nội dung ông H cho biết “

Anh Phan A G là con rể của ông Tấn A L, anh G sinh sống cùng gia đình nhà vợ tại bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, anh G ở cùng nhà với vợ từ khoảng đầu năm 2022 cho đến nay”, Ông Tấn A L (bố vợ Phan A G) cho biết “ Phan A G là con rể lấy con gái tôi là Tấn Thị N1, Phan A G và con gái tôi đang sinh sống tại nhà tôi ở bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu” (BL39). Trong hồ sơ vụ án không thể hiện có văn bản nào của anh Phan A G thông báo cho Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ về việc thay đổi nơi ở của anh và đề nghị giải quyết vụ án ly hôn của anh và chị Tấn Thị N theo địa chỉ Thôn I, xã H, huyện T, tỉnh Điện Biên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phan A G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan A G. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 13/2024/HNGĐ-ST, ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 167/QĐ-SCBSBA, ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Về hôn nhân: Chị Tấn Thị N được ly hôn với anh Phan A G.

- Về con chung: Giao cháu Phan Tuấn A – sinh ngày 04/07/2022 cho chị Tấn Thị N chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về việc nuôi con

Anh Phan A G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N, anh G không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Anh Phan A G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000619 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Các Đương sự (NĐ, BĐ);
- Người bảo vệ QLIHP cho bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hương Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

